

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2017/HS - ST

Ngày: 19/7/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ – TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy

- *Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Nguyễn Thái Duy

+ Bà Thạch Thị Lan Nhung

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Đạt Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 54/2017/HSST ngày 31/05/2017 đối với bị cáo: Lương Thị T, sinh năm 1990; tại Thanh Hóa ; trú tại: thôn H, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Lương Văn A, con bà Hà Thị M; có chồng là Vương Văn V, sinh năm 1987. Bị cáo có ba con, lớn sinh năm 2008 và nhỏ sinh năm 2012, hiện chồng con đang ở tại thôn H, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; tiền án, tiền sự : không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Huỳnh T và Luật sư Trần Thanh T – văn phòng luật sư Nhân T, Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn Đ , sinh năm 1986

Trú tại: tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lương Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà truy tố về hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 15h ngày 23/8/2015, anh Nguyễn Văn Đ cùng anh rể là anh Nguyễn Đình B, trú tại thôn H, xã L, huyện L đi đến nhà của Lương Thị T ở cùng thôn để nói chuyện về việc vợ chồng Lương Thị T, Vương Văn V không cho anh B đặt máy bơm nước trong vườn cà phê của gia đình T. Quá trình nói chuyện thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và thách thức đánh nhau. Lúc này, T gọi con gái tên là Vương Thị Yến N, sinh năm 2008, lấy 01 con dao dài khoảng

30cm, bản rộng 06cm đưa cho T, T cầm dao đi ra cổng và gọi điện thoại cho chồng là Vương Văn V. Sau đó, T cầm dao đi đến gần chỗ anh B và anh Đ. Lúc này, anh V đi xe máy về cách nhà khoảng 40m thì giữa anh V và anh B cãi nhau, anh B cầm cây nứa bên đường dài khoảng 02m đánh vào bắp tay trái của V, sau đó V bỏ chạy vào vườn cà phê và nhặt một gậy cà phê dài khoảng 70cm, đường kính khoảng 04cm để đánh lại anh B, hai bên đuổi đánh nhau trong vườn cà phê. Lúc này, T cầm con dao lao đến chỗ anh B, anh Đ nhìn thấy nên đã đẩy T ra, T tiếp tục cầm dao lao đến chỗ anh B thì anh Đ nhặt cây nứa bên đường dài khoảng 01m đánh T, T đưa tay trái lên đỡ và giữ được gậy của anh Đ. T đưa tay phải cầm dao chém anh Đ một nhát vào cổ tay trái của anh Đ làm chảy máu. Anh Đ thả cây nứa ra ôm tay bị chảy máu, lúc này anh B đến băng bó vết thương cho anh Đ và đưa anh Đ đi cấp cứu. Hậu quả anh Đ bị thương tích ở cổ tay trái và điều trị tại bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ, Đà Lạt. Tang vật thu giữ: 01 con dao dài 30cm, bản rộng 06cm, cán dao bằng gỗ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 207/2015/TgT ngày 26/10/2015 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Lâm Đồng kết luận: Nguyễn Văn Đ bị vết thương 1/3 dưới cẳng tay trái đứt cân cơ, đứt thần kinh trụ ở đoạn 1/3 dưới cẳng tay di chứng vượt trụ, mẻ xương trụ trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 15%, tổn thương do vật sắc gây nên.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 29/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà truy tố bị cáo Lương Thị T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà thực hành quyền công tố luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lương Thị T về tội “Cố ý gây thương tích”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 33 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lương Thị T tiếp tục bồi thường cho người bị hại 10.000.000đồng. Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 30cm, bản rộng 06cm, cán dao bằng gỗ.

Luật sư Huỳnh T và Luật sư Trần Thanh T bào chữa cho bị cáo Lương Thị T không nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà truy tố bị cáo Lương Thị T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự. Luật sư cho rằng, cáo trạng truy tố bị cáo chưa có cơ sở vững chắc vì hành vi của bị cáo là trái pháp luật nhưng trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do có lỗi của người bị hại. Mặt khác bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu vùng xa, nhận thức về pháp luật hạn chế nên bị cáo không thấy được tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Đồng thời, Luật sư cho rằng quá trình điều tra, truy tố các cơ quan tiến hành tố tụng có vi phạm thủ tục

tổ tụng hình sự như: vụ án xảy ra đã lâu chỉ có bốn người tham gia nhưng khi khám nghiệm hiện trường lại không triệu tập họ tham gia là không đảm bảo sự thật khách quan của vụ án. Vì vậy, các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 105 Bộ luật Hình sự và Điều 180 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên bị cáo Lương Thị T không phạm tội và đình chỉ vụ án vì tỷ lệ thương tật không đủ theo quy định tại Điều 105 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Do giữa gia đình bị cáo và gia đình anh Nguyễn Đình B có mâu thuẫn từ trước nên vào khoảng 15 giờ ngày 23/8/2015 anh Nguyễn Văn Đ đã cùng anh B đi đến nhà bị cáo Lương Thị T để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn. Khi anh Đ và anh B đến nhà bị cáo thì chồng bị cáo không có nhà và giữa bị cáo với anh B đã xảy ra cãi nhau. Bị cáo đã sai con gái (sinh năm 2008) đi lấy dao cho bị cáo và bị cáo gọi điện thoại cho chồng bị cáo là Vương Văn V về. Khi chồng bị cáo về đến cổng thì giữa anh B và chồng bị cáo có xảy ra xô xát, bị cáo cầm dao chạy về phía anh B thì anh Đ ngăn cản và bị cáo đã gây ra thương tích cho anh Đ. Hậu quả anh Đ bị thương theo kết luận của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng tỷ lệ thương tật là 15%. Nhưng theo bị cáo, do anh B và anh Đ đến nhà bị cáo trong lúc không có chồng bị cáo ở nhà đã có những lời nói đe dọa và khi nghe thấy tiếng xe chồng bị cáo về thì anh B đã chạy ra để đánh chồng bị cáo nên bị cáo đã gây thương tích cho người bị hại.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi anh B và anh Đ đến nhà bị cáo để tìm chồng bị cáo nói chuyện giải quyết mâu thuẫn thì giữa bị cáo và anh B đã xảy ra cãi nhau, thách thức nhau, khi đó bị cáo đã sai con gái sinh năm (2008) lấy dao cho bị cáo và bị cáo gọi điện thoại cho chồng về, đồng thời cầm lấy dao bước ra khỏi nhà, chứng tỏ bị cáo đã có sự chuẩn bị sẵn sàng về hung khí để nếu có xảy ra xô xát thì đã có sẵn hung khí để sử dụng. Xét về lực lượng giữa hai bên khi đó tương đương nhau, xét về hung khí thì cả anh Đ, anh B đều chỉ cầm gậy nứa còn bên bị cáo thì chồng bị cáo cầm gậy cà phê, bị cáo cầm dao. Như vậy, rõ ràng bên bị cáo có dao là hung khí nguy hiểm hơn bên anh Đ và anh B. Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nhưng thực tế bị cáo không hề bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của anh Đ (người bị hại) đối với chồng (người thân) bị cáo hoặc bị cáo mà khi đó giữa hai bên xảy ra xô xát thì anh B đuổi vụt chồng bị cáo nhưng không trúng và chồng bị cáo cũng đã giật được gậy của anh B, như vậy khi đó chồng của bị cáo không ở thế yếu hơn để cần đến sự hỗ trợ, giải thoát của bị cáo nhưng bị cáo liền cầm dao xông tới chỗ anh B thì anh Đ đã cầm gậy nứa vụt bị cáo nhằm mục đích ngăn cản không

cho bị cáo tiến lại chỗ anh B. Hành vi của anh Đ không phải là nguyên nhân làm cho tinh thần bị cáo bị kích động mà giữa hai bên đã có mâu thuẫn từ trước, bị cáo đã chuẩn bị sẵn hung khí, khi hai bên xảy ra xô xát thì con dao trên tay bị cáo đã gây ra thương tích cho anh Đ. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của Luật sư cho rằng bị cáo phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và tuyên bố bị cáo vô tội.

Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng khi bị cáo cầm dao chạy về phía anh B thì anh Đ cầm gậy nửa vút về phía bị cáo và bị cáo dùng tay trái đỡ được gậy của anh Đ còn tay phải bị cáo cầm dao giơ lên thì anh Đ giơ tay trái lên để chụp tay bị cáo đang cầm dao thì bị dao cứa vào tay chứ bị cáo không chém anh Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ban đầu bị cáo khai cầm dao khua về phía anh Đ từ phải qua trái, từ trái qua phải và gây ra thương tích cho anh Đ nhưng sau đó bị cáo thay đổi lời khai cho rằng chỉ giơ dao về phía anh Đ, anh Đ giơ tay trái lên giằng co con dao với bị cáo, quá trình giằng co thì con dao trên tay bị cáo gây thương tích cho anh Đ. Mặc dù bị cáo thay đổi lời khai nhưng trong lời khai cuối cùng của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay đều khẳng định con dao trên tay bị cáo là hung khí đã gây ra thương tích cho anh Đ mà không phụ thuộc vào việc bị cáo khua dao hay giằng co. Việc bị cáo chuẩn bị dao là hung khí nguy hiểm trước khi xảy ra xô xát là có thật, việc xô xát, giằng co giữa bị cáo với anh Đ là có thật, bị cáo đã dùng lực tác động lên con dao đang cầm trong tay khi xô xát đã gây ra thương tích ở cổ tay trái cho anh Đ. Dao là hung khí nguy hiểm, khi bị cáo sử dụng dao giằng co với anh Đ bị cáo phải ý thức được tính chất nguy hiểm của hung khí và mong muốn hậu quả xảy ra.

Luật sư cho rằng bị cáo không phạm tội cố ý gây thương tích nhưng tại phiên tòa bị cáo không thắc mắc, không khiếu nại nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa. Đồng thời lời khai của bị cáo về hành vi bị cáo đã thực hiện đối với anh Đ phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng và những tài liệu chứng cứ khác được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội: “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Còn việc Luật sư cho rằng việc khám nghiệm hiện trường không có sự tham gia của bị can và người biết về tình tiết của vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 150 Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định thì: “Khám nghiệm hiện trường có thể tiến hành trước khi khởi tố vụ án hình sự” và “..... có thể để cho bị can, người bị hại, người làm chứng và mời nhà chuyên môn tham dự việc khám nghiệm”. Vì vậy, không bắt buộc phải có mặt bị can, người bị hại, người làm chứng khi khám nghiệm hiện trường.

Xét tính chất vụ án nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, coi thường

kỷ cương pháp luật, đồng thời tác động xấu đến trật tự trị an xã hội. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi đã thực hiện.

Xét nhân thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện nhờ người thân nộp tiền vào tài khoản của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà để bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại. Đồng thời bị cáo là phụ nữ, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, các con đều còn nhỏ đang trong độ tuổi đi học. Hơn nữa vụ án xảy ra cũng do một phần lỗi của người bị hại, sau khi sự việc xảy ra chồng bị cáo đã cõng áo tạm thời sơ cứu cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do đó cần xử lý bị cáo với mức hình phạt dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà đối với bị cáo Lương Thị T là có cơ sở. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay của gia đình bị cáo, bởi vì bị cáo là phụ nữ, cả ba con đều còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Thái), nhận thức pháp luật còn hạn chế. Xét thấy, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì vậy, để thể hiện sự nhân đạo khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa đối với người biết ăn năn hối cải, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục lao động chăm lo cho gia đình và chăm sóc con được chu đáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự về án treo cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình.

Đối với cháu Vương Thị Yến N, sinh năm 2008 có hành vi đưa dao cho bị cáo Lương Thị T nhưng do cháu N đang còn ở độ tuổi vị thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Đình B và anh Vương Văn V có hành vi đánh nhau, Cơ quan điều tra xác định thời hạn xử lý hành chính đã hết nên không xử lý hành chính đối với anh B và anh V. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: sau khi sự việc xảy ra anh Đ được đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện Hoàn Mỹ đến ngày 26/8/2015 ra viện. Anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản với tổng số tiền là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng). Tại phiên tòa, anh Đ giữ nguyên yêu cầu bồi thường với số tiền trên và bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Đ nên cần ghi nhận. Nhưng bị cáo đã nhờ người thân nộp 10.000.000đồng vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân

sự huyện Lâm Hà theo biên lai số AA/2010/06629 ngày 08/6/2017, vì vậy bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh Đ số tiền còn lại là 10.000.000đồng.

Xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án được cơ quan điều tra thu giữ bàn giao sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà là 01con dao dài 30cm, bản rộng 06cm, cán gỗ. Xét thấy vật chứng trên không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lương Thị T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lương Thị T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lương Thị T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/7/2017).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng quản lý, giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Lương Thị T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền là 20.000.000đồng. Nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000đồng bị cáo đã nhờ người nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà theo biên lai số AA/2010/06629 ngày 08/6/2017, vì vậy bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh Đ số tiền còn lại là 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khi án đã có hiệu lực pháp luật, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự; tuyên tịch thu tiêu hủy 01con dao dài 30cm, bản rộng 06cm, cán gỗ (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/05/2017).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lương Thị T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/7/2017) bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy